

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2322C
Nguyễn Trung Thông

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123220092	Nguyễn Nhật	Anh	12/01/2004	CCQ2322C	0		0.0
2	2123220094	Trịnh Văn	Cường	13/07/2005	CCQ2322C	8.5	8.6	8.6
3	2121180018	Trần Quý	Đài	09/10/2003	CCQ2118A	8.1	8.4	8.3
4	2121110230	Nguyễn Tiến	Đạt	09/04/2002	CCQ2111G	6.8	8.0	7.5
5	2123220105	Hứa	Duy	30/11/2004	CCQ2322C	8.2	8.2	8.2
6	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004		0		0.0
7	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	13/04/2005	CCQ2322C	8	6.6	7.2
8	2123220086	Lê Thanh	Huy	28/07/2005	CCQ2322C	7.8	8.0	7.9
9	2123220099	Trần Thanh	Huy	28/10/2004	CCQ2322C	8.1	8.0	8.0
10	2123220096	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	18/05/2005	CCQ2322C	7.2	8.0	7.7
11	2123220087	Nguyễn Tấn	Lượng	22/04/2005	CCQ2322C	7.9	8.0	8.0
12	2121120076	Ngô Thị Mộng	Mơ	26/01/2003	CCQ2322C	7.7	8.4	8.1
13	2123220098	Dương Tôn Thái	Ngọc	10/03/2005	CCQ2322C	7.2	7.4	7.3
14	2123220093	Lê Nguyễn Ngọc	Phúc	18/05/2005	CCQ2322C	0		0.0
15	2123220082	Đình Tùng	Quang	11/11/2005	CCQ2322C	6.7	6.8	6.8
16	2120060050	Trần Văn	Tâm	07/04/2002	CCQ2006B	7.4	6.4	6.8
17	2123220084	Nguyễn Ngọc	Thiện	15/10/2003	CCQ2322C	0		0.0
18	2123220085	Nguyễn Ngọc	Trọng	20/10/2005	CCQ2322C	8	7.4	7.6
19	2123240197	Trần Văn	Trung	22/09/2005	CCQ2324D	7.2	6.4	6.7
20	2120050139	Đỗ Quốc	Trượng	30/07/2002	CCQ2005D	8.2	7.8	8.0
21	2123220091	Lê Đình Xuân	Việt	06/08/2005	CCQ2322C	8.1	6.0	6.8
22	2123220079	Nguyễn Nguyên	Vũ	12/11/2005	CCQ2322C	7.3	5.8	6.4
23	2123220088	Dương Trùng	Vương	06/02/2001	CCQ2322C	8.4	7.8	8.0
24	2125220033	Nguyễn Văn	Pháp	15/06/2006	CCQ2522A	8.1	6.2	7.0

Tp. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2025

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Thông

Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1- Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2322C
Nguyễn Trung Thông

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123220092	Nguyễn Nhật	Anh	12/01/2004	CCQ2322C						0.0	
2	2123220094	Trịnh Văn	Cường	13/07/2005	CCQ2322C	8.5	7	8	9	9	8.5	
3	2121180018	Trần Quý	Đài	09/10/2003	CCQ2118A	7	7	7	9	9	8.1	
4	2121110230	Nguyễn Tiến	Đạt	09/04/2002	CCQ2111G	7.5	6.5	7.5	5	8	6.8	
5	2123220105	Hứa	Duy	30/11/2004	CCQ2322C	6	5.5	8	9	10	8.2	
6	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004							0.0	
7	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	13/04/2005	CCQ2322C	7	6	7	9	9	8.0	
8	2123220086	Lê Thanh	Huy	28/07/2005	CCQ2322C	6.5	7	8	6.7	10	7.8	
9	2123220099	Trần Thanh	Huy	28/10/2004	CCQ2322C	7	6.5	8	8.7	9	8.1	
10	2123220096	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	18/05/2005	CCQ2322C	7	7	8	5.3	9	7.2	
11	2123220087	Nguyễn Tấn	Lượng	22/04/2005	CCQ2322C	6.5	6.5	8	8.3	9.0	7.9	
12	2121120076	Ngô Thị Mộng	Mơ	26/01/2003	CCQ2322C	7	7	7	7.3	9.0	7.7	
13	2123220098	Dương Tôn Thái	Ngọc	10/03/2005	CCQ2322C	7.5	6.5	8	5.3	9.0	7.2	
14	2123220093	Lê Nguyễn Ngọc	Phúc	18/05/2005	CCQ2322C						0.0	
15	2123220082	Đinh Tùng	Quang	11/11/2005	CCQ2322C	6.5	6.5	8	6.0	7.0	6.7	
16	2120060050	Trần Văn	Tâm	07/04/2002	CCQ2006B	6.5	5	7	7.7	9.0	7.4	
17	2123220084	Nguyễn Ngọc	Thiện	15/10/2003	CCQ2322C						0.0	
18	2123220085	Nguyễn Ngọc	Trọng	20/10/2005	CCQ2322C	7	7	8	8.0	9.0	8.0	
19	2123240197	Trần Văn	Trung	22/09/2005	CCQ2324D	7.5	7.5	7.5	5.0	9.0	7.2	
20	2120050139	Đỗ Quốc	Trương	30/07/2002	CCQ2005D	7.5	8	7	8.3	9.0	8.2	

21	2123220091	Lê Đình Xuân	Việt	06/08/2005	CCQ2322C	7	6	8	8.0	10.0	8.1	
22	2123220079	Nguyễn Nguyên	Vũ	12/11/2005	CCQ2322C	7	7.5	8	5.3	9.0	7.3	
23	2123220088	Dương Trùng	Vương	06/02/2001	CCQ2322C	8	6.5	8	9.0	9.0	8.4	
24	2125220033	Nguyễn Văn	Pháp	15/06/2006	CCQ2522A	8.5	7	6.5	8.3	9.0	8.1	

TP.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2025

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Thông